



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2013

TP. Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2014

Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN	3
I. Giới thiệu	3
II. Lịch sử hình thành và phát triển	3
III. Định hướng phát triển	5
Phần B: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
I. Nhận định tình hình chung năm 2013	7
II. Tổng quan kết quả hoạt động năm 2013	7
III. Triển khai các hoạt động	7
Phần C: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	10
I. Báo cáo tình hình tài chính	10
II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2013	10
III. Các hoạt động khác	10
IV. Kế hoạch kinh doanh năm 2014	11
Phần D: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	13
I. Báo cáo tài chính 2013	14
II. Báo cáo kiểm toán	16
Phần E: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	19
Phần F: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
I. Cơ cấu tổ chức Công ty	20
II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty	21
III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động	22
Phần G: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
I. Hội đồng Quản trị	24
II. Ban Kiểm soát	26
III. Thống kê về cổ đông	27

Phần A

TỔNG QUAN

I. Giới thiệu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Tên tiếng Anh: **SAIGON POSTEL CORP**
- Tên viết tắt: **SPT**
- Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0300849034
- Trụ sở chính: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 5 444 9999 Fax: (84.8) 5 404 0609
- Email: vpct@spt.vn
- Website: <http://www.spt.vn>

II. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 27/12/1995, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) chính thức được thành lập, với tổng vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. SPT cũng là công ty cổ phần đầu tiên ở Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính - Viễn thông với các thành viên sáng lập gồm 11 doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông...

Đến nay, SPT đã có gần như đầy đủ các giấy phép quan trọng để đảm bảo hoạt động bền vững trong ngành Bưu chính - Viễn thông tại Việt Nam, đặc biệt là 02 giấy phép thiết lập hạ tầng mạng trực quốc gia và quốc tế, giấy phép dịch vụ di động và tần số kèm theo.

Với quyết tâm, nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể đội ngũ CB-CNV Công ty trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SPT đã đạt được những kết quả khá khả quan và được đánh giá là một trong những nhà cung cấp dịch vụ bưu chính - viễn thông hàng đầu Việt Nam.

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Hiện SPT đang cung cấp các dịch vụ chủ yếu trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông - CNTT như sau:

- Dịch vụ điện thoại: điện thoại cố định, điện thoại Internet, điện thoại đường dài giá cước thấp (VoIP), điện thoại di động, dịch vụ miễn cước người gọi (1800)...
- Dịch vụ chuyển phát bưu chính: Cung cấp các loại hình dịch vụ chuyển phát hàng hóa, tài liệu trong nước và quốc tế.
- Dịch vụ sản xuất, kinh doanh và bảo hành thiết bị bưu chính viễn thông, mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng.
- Dịch vụ truy cập Internet băng thông rộng (ADSL); Dịch vụ mạng riêng ảo (IP-VPN); Dịch vụ kênh thuê riêng (Leased line) trong nước, quốc tế; Dịch vụ thuê kênh riêng Internet; Dịch vụ truy cập Internet gián tiếp; Dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP (IP Centrex)...
- Dịch vụ xây dựng và thi công công trình: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông.

công trình dân dụng và công nghiệp.

- Dịch vụ thông tin - quảng cáo.

2.2. Tình hình hoạt động

1996: SPT bắt đầu triển khai kinh doanh dịch vụ thiết bị viễn thông và chính thức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát bưu phẩm trong nước và quốc tế với thương hiệu Saigon Post (SGP).

1997: Công ty chính thức cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam.

1999: Cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP - SaigonNet.vn, SaigonNews.vn)

2001: Công ty chính thức cung cấp dịch vụ gọi đường dài trong nước và quốc tế giá cước thấp (VoIP - 177). Trong năm này, Công ty cũng đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh nhằm duy trì 25% thị phần ở phân khúc thị trường VoIP quốc tế.

2002: Đầu năm 2002, Công ty triển khai cung cấp các dịch vụ trên mạng điện thoại cố định. Cụ thể: đưa mạng điện thoại cố định đầu số 54xxx xxxx vào khai thác tại TP.HCM và tiếp tục thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Công ty đã đạt gần 200.000 thuê bao cố định và ADSL. Đặc biệt, SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung, chung cư, cao ốc văn phòng tại TP.HCM.

2003: Trong lĩnh vực di động, SPT là đơn vị tiên phong trong việc triển khai mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ CDMA 2000-1x EV-DO tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone.

2006: Mạng điện thoại di động CDMA (S-Fone) của SPT phủ sóng toàn quốc. Đến năm 2009, thuê bao phát triển mới đạt 1 triệu thuê bao, nâng tổng số thuê bao tích lũy trên toàn mạng là 6,8 triệu thuê bao.

Cũng trong năm này, SPT hợp tác với tập đoàn SingTel (Singapore) cung cấp dịch vụ V-Connect + (IP VPN). Tháng 12/2006, Công ty được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định quốc tế và đường dài trong nước.

2007: Công ty tham gia góp vốn đầu tư và cùng sở hữu tuyến cáp quang biển Asia America Gateway (AAG), tuyến cáp quang nối trực tiếp từ Đông Nam Á đi Bắc Mỹ, dung lượng 1.92Tbps. SPT được chia sẻ hơn 30Gpbs băng thông quốc tế từ tuyến cáp này.

2010: Chủ trương chuyển đổi mô hình kinh doanh từ BCC sang công ty liên doanh của Trung tâm S-Telecom (đơn vị cung cấp dịch vụ di động S-Fone) đã được Thủ tướng phê duyệt về nguyên tắc vào tháng 8/2010.

2011: Tháng 12/2011, BCC S-Telecom được cấp giấy phép chuyển đổi sang hình thức công ty liên doanh, trong đó SPT giữ cổ phần chi phối.

2012: Tháng 3/2012, SPT được Bộ Thông tin - Truyền thông cấp phép chuyển đổi công nghệ di động từ CDMA sang UMTS 850 (3G).

Trong quá trình hình thành và phát triển, SPT vinh dự được trao tặng nhiều danh hiệu, bằng khen như:

- Nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc (từ năm 2001-2004) do Chính phủ và Thành phố tặng.
- Huân chương Lao động hạng III năm 2005 do Chủ tịch nước trao tặng.
- Giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam” năm 2006 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bình chọn.

- Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” năm 2007 do VNR bình chọn.
- Danh hiệu “Thương hiệu mạnh” liên tục trong 3 năm 2006, 2007 và 2008.
- Giải “Sao vàng Phương Nam” - “Sao vàng Đất Việt” năm 2008.
- Top 500 DN và Top 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam 2012...

Ngoài ra, đối với SPT, khái niệm trách nhiệm xã hội đã trở thành một chuẩn mực, một mục tiêu phấn đấu của tập thể cũng như từng cá nhân. Các chương trình truyền thông của SPT như “Đồng hành vì người nghèo”, “Ngày hội hiến máu nhân đạo”... luôn thu hút đông đảo CB-CNV tham gia và tạo được dư luận tốt trong xã hội. Với tổng doanh thu bình quân xấp xỉ 1.000 tỷ đồng/năm, Công ty đóng góp khá tốt vào ngân sách nhà nước.

Hiện nay, Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Với nhiều loại hình dịch vụ đang cung cấp cho hàng triệu thuê bao, thị phần Công ty ngày càng mở rộng và thương hiệu SPT cũng được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần và thương hiệu, vị thế của SPT cũng ngày càng được khẳng định trên thị trường bưu chính - viễn thông trong nước và quốc tế.

III. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu 2014

- Tổng doanh thu : 635 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 15 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 45 tỷ đồng

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Kiên định con đường phát triển là trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực bưu chính - viễn thông, trong những năm tiếp theo, SPT đưa ra những định hướng sau:

Về dịch vụ

Triển khai linh hoạt, hiệu quả kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc; Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ với mục tiêu trọng tâm là khách hàng và dịch vụ đặc biệt, khác biệt; Nghiên cứu phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng, đóng gói các dịch vụ để ngày càng mang đến nhiều lợi ích cho khách hàng.

Khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông theo định hướng băng thông rộng, đa dịch vụ trên hạ tầng đã và đang đầu tư.

Tích cực nghiên cứu và nhanh chóng đưa ra các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng, đồng thời góp phần tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Về hạ tầng và công nghệ

Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của Công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng thông rộng, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh).

Tập trung vào băng thông rộng và các dịch vụ nội dung số bằng cách tự đầu tư một cách hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời kết hợp với việc hợp tác, liên kết với đối tác bên ngoài. Trên cơ sở đó đưa ra thêm các dịch vụ mới.

Nghiên cứu, cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới; Có chiến lược và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

Quản trị doanh nghiệp

Triển khai kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý; Tiến hành triển khai các chương trình kiểm soát chi phí, tăng cường công tác đào tạo, nâng cao kỹ năng làm việc và quản lý... Bên cạnh đó, chú trọng tăng các nguồn lực cạnh tranh của SPT trên thị trường.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp; Xây dựng và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng với các đối tác trong và ngoài nước.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty, tìm kiếm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, tài chính, quản trị doanh nghiệp... và đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị cộng thêm đối với các hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty luôn được khách hàng ưu tiên lựa chọn.

Phần B

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Nhận định tình hình chung năm 2013

Nhìn chung, tình hình kinh tế Việt Nam năm 2013 tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, thâm hụt thương mại và ngân sách lớn, nợ công có xu hướng tăng, tín dụng bị thắt chặt... Do đó, các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Riêng thị trường bưu chính viễn thông, mặc dù tiếp tục có sự tăng trưởng nhưng ở mức thấp hơn các năm trước, chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp nhỏ vẫn tìm cách tiếp cận thị trường.

Trong bối cảnh chung đó, Công ty SPT luôn nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, đồng thời tập trung nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư mới.

II. Tổng quan kết quả hoạt động năm 2013

2.1. Về kinh doanh

- Doanh thu: 641,9 tỷ đồng, tăng 4,66% so với 2012, đạt 95% so với kế hoạch (KH) năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế: 39 tỷ đồng.
- Khấu hao: đạt 120,6 tỷ đồng, tương đương KH 2013. Lũy kế đến 31/12/2013: 120,8 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 10.245.992.772 tỷ đồng.
- Lao động bình quân trong năm: 1.234 người. Thu nhập bình quân: 6.882.203 đồng/người/tháng (không tính các đơn vị hợp doanh).

2.2. Về đầu tư

Tính đến tháng cuối tháng 12/2013, tình hình đầu tư của toàn Công ty đạt được kết quả như sau:

- Giá trị đầu tư hoàn thành lũy kế: 1.139,37 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư hoàn thành năm 2013: 17,19 tỷ đồng, tương đương 12,17% KH 2013 và bằng 85,69% so với cùng kỳ năm 2012.

2.3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2013 là **1.203,92** tỷ đồng.

III. Triển khai các hoạt động

3.1. Triển khai các mục tiêu 2013

Mục tiêu chính của kế hoạch 2013 là tập trung soát xét các dịch vụ hiện hữu nhằm giảm lỗ kinh doanh. Trong đó, các mục tiêu cụ thể như sau:

3.1.1. Đánh giá, rà soát thực trạng

- Rà soát các dịch vụ có giá bán dưới giá vốn: Mục tiêu này đã được thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2013 và sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2014.
- Sắp xếp, tối ưu hóa hạ tầng mạng hiện hữu nhằm nâng cao chất lượng mạng lưới, tăng hiệu suất sử dụng và tăng doanh thu; sắp xếp lại bộ máy vận hành, khai thác, nhằm giảm chi phí vận hành và sớm phát triển dịch vụ mới nhằm gia tăng nguồn thu.
- Sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy quản lý kinh doanh; tiếp tục thực hiện công tác định biên trong toàn Công ty cho phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh và đạt mục tiêu cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.1.2. Tăng cường công tác giám sát thực hiện kế hoạch thông qua các biện pháp khen thưởng khi hoàn thành, vượt kế hoạch và các biện pháp chế tài khi không đạt kế hoạch.

Hiện nay, Công ty đã ban hành một số văn bản nội bộ về việc thực hiện cơ chế khen thưởng và chế tài đối với việc hoàn thành mục tiêu hiệu quả kinh doanh; thực hiện chính sách khen thưởng và chế tài đối với đơn vị và cá nhân.

Công việc này sẽ được tiếp tục triển khai trong năm 2014.

3.2. Triển khai các chương trình trọng tâm

Các chương trình trọng tâm năm 2013 là tập trung khai thác và quản lý các dịch vụ hiện hữu, nhằm tăng doanh thu và giảm chi phí điều hành hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:

3.2.1. Tăng thu trên hạ tầng hiện hữu đối với các dịch vụ có khả năng phát triển

Tập trung khai thác tối đa các dịch vụ trên hạ tầng hiện hữu như: Khai thác tối đa tài nguyên trên AAG, triển khai dịch vụ FTTx, khai thác dịch vụ VoIP quốc tế về, khai thác đầu số 1800xxxxxx/1900xxxxx. Các dịch vụ này gần như đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

3.2.2. Cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp thông qua giải pháp cơ cấu lại bộ máy vận hành cho phù hợp

Chưa triển khai được mục tiêu này trong năm 2013 do đang trong quá trình rà soát, đánh giá đề xuất cấu trúc lại bộ máy hoạt động của toàn Công ty trên cơ sở tìm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ đối với các dịch vụ hiện hữu, nhằm ổn định, phát triển doanh thu và tăng cường triển khai các dịch vụ mới.

3.2.3. Giảm giá vốn và chi phí bán hàng

- Nghiên cứu các giải pháp triển khai kinh doanh phù hợp nhằm cắt giảm giá vốn và chi phí bán hàng: Chưa triển khai được nhóm công việc này. Hiện nay, Công ty chỉ mới triển khai công tác rà soát đánh giá và phân tích nhóm dịch vụ trọng tâm.
- Rà soát các chi phí nguyên vật liệu (chi phí thuê kênh luồng, vật tư phát triển thuê bao...): Đã triển khai được công tác rà soát, cắt giảm các chi phí liên quan đến kênh luồng và đã xây dựng lại định mức vật tư phát triển thuê bao để áp dụng trong năm 2014.

3.2.4. Rà soát các dự án đã triển khai nhằm đánh giá lại hiệu quả thực sự, qua đó có biện pháp đẩy mạnh để tăng nguồn thu hoặc cắt giảm để giảm lỗ phát sinh

Trong năm Công ty đã cho dừng dự án SIP Phone do chưa mang lại hiệu quả và chuyển hình thức hợp tác khai thác nhằm giảm thiểu lỗ phát sinh. Các dự án còn lại hiện đang nằm ở khâu đánh giá. Kết quả sẽ đưa vào triển khai trong năm 2014.

3.2.5. Tăng nguồn thu mới thông qua việc triển khai các dự án phát triển dịch vụ mới hoặc khai thác các ứng dụng trên dịch vụ hiện hữu

Trong năm 2013, một số dịch vụ mới đã được đưa vào khai thác gồm hệ thống SIP, VPS... nhưng đến nay vẫn chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Công ty cũng đã sắp xếp lại bộ máy điều hành của Ban Phát triển Dự án nhằm đẩy mạnh công tác triển khai các dịch vụ mới trong năm 2014.

3.2.6. Tạo cơ chế, chính sách hợp lý hơn trong hoạt động kinh doanh tại các Trung tâm/Chi nhánh trực thuộc thông qua việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, ban hành chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường nhằm tạo điều kiện duy trì và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh

Phần C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Báo cáo tình hình tài chính

Xem Phần D - Báo cáo tài chính, bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	KQ 2012	KH 2013	KQ 2013	%TH 2013/KH2013
Tổng doanh thu (Tr. đồng)	614,026	683,641	641,974	94%
Tổng giá vốn	577,097	614,319	576,329	94%
Lợi nhuận gộp	36,024	69,321	64,140	93%
Thu nhập HĐTC	93,636	84,075	91,882	109%
Chi phí bán hàng	19,877	23,096	19,224	83%
Chi phí QLDN	108,776	109,616	101,662	93%
Tổng lợi nhuận trước thuế	3,281	20,584	39,019	190%
Khấu hao	121,340	120,378	120,810	100%

2.2. Phân tích hoạt động kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2013 là **642 tỷ đồng**, đạt 94% kế hoạch năm, tăng 5% so với năm 2012.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2013 là 39 tỷ đồng, vượt 190% KH 2013, tăng 35,8 tỷ đồng so với năm 2012.
- Mặc dù doanh thu dịch vụ chưa đạt, nhưng do kiểm soát tốt mục tiêu chi phí thông qua việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành và quản lý tốt các mục tiêu giá vốn đã đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.
- Khấu hao là 120 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận và khấu hao là 159,8 tỷ đồng.

Nhìn chung các chỉ số hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 theo sát với định hướng kế hoạch đề ra. Các mục tiêu quản lý, giám sát doanh thu và cắt giảm chi phí đã bước đầu thực hiện được theo kế hoạch đề ra.

III. Các hoạt động khác

3.1. Một số hoạt động chính trong năm 2013

3.1.1. Hoạt động Kỹ thuật - Công nghệ

Tập trung công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ, nâng cao trách nhiệm xử lý sự cố trong công tác kỹ thuật và dây máy. Thẩm định thiết kế mở rộng di dời mạng truyền dẫn, mạng ngoại vi khu vực TP.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng; thẩm định dự án theo lĩnh vực chuyên môn. Phối hợp hỗ trợ các Trung tâm xây dựng các đề án xin cấp phép gia hạn, thiết lập mạng lưới cung cấp dịch vụ.

Xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình hợp nhất khối kỹ thuật Công ty: Đã thành lập Ban trụ bị thiết lập “Trung tâm điều hành kỹ thuật SPT” theo QĐ số 854/QĐ-SPT-TCNS ngày 09/10/2013 nhằm xây dựng hoàn chỉnh phương án và hoàn thiện các hồ sơ, quy định, quy trình hợp nhất điều hành kỹ thuật của Trung tâm để báo cáo HĐQT thông qua phương án thành lập.

3.1.2. Hoạt động Dự án - Đầu tư

Hoạt động dự án - đầu tư luôn bám sát theo mục tiêu kinh doanh. Tuy nhiên, do thiếu hụt nguồn vốn, tỷ lệ % thực hiện đạt thấp so với kế hoạch (*Chi tiết các hoạt động đầu tư có báo cáo riêng*).

3.1.3. Hoạt động Tổ chức - Nhân sự

Thực hiện công tác tiền lương, chế độ chính sách và phúc lợi, công tác tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng - đào tạo, xây dựng thang bảng lương mới.

Thống kê tình hình nhân sự năm 2013 toàn Công ty:

STT	NHÂN SỰ	NĂM 2013		CHI PHÍ LƯƠNG (Tỷ đồng)
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM	
1	Nhân sự chính thức	1.268	1.206	102.969
2	Nhân sự CTV	231	229	12.683

Công tác đào tạo: Đã triển khai một số hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ như: kỹ năng quản lý, kiến thức bộ luật lao động... cho cán bộ CNV của Công ty.

3.1.4. Các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác như: triển khai các chương trình marketing, các hoạt động đầu tư, mua sắm đáp ứng nhu cầu kinh doanh, các nghiên cứu ứng dụng cho dịch vụ mới, các ứng dụng công nghệ - thông tin hỗ trợ sản xuất kinh doanh...

3.3. Kết luận

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam và nội tại của SPT trong năm 2013, mặc dù còn một số mục tiêu chưa đạt như kế hoạch, nhưng với nỗ lực của toàn thể cán bộ viên chức Công ty, SPT đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch (lãi 39 tỷ đồng/20,5 tỷ KH 2013).

IV. Kế hoạch kinh doanh năm 2014

4.1. Định hướng và mục tiêu kế hoạch 2014

4.1.1. Định hướng 2014

- Duy trì ổn định hoạt động kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ hiện hữu; phấn đấu có tăng trưởng về thuê bao, sản lượng, doanh thu ở các dịch vụ chủ lực... và toàn bộ các hoạt động kinh doanh toàn Công ty có lợi nhuận cao hơn năm 2013.
- Nghiêm túc xem xét loại bỏ các dịch vụ kém hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới nhằm tăng nguồn thu.

4.1.2. Mục tiêu

- Mục tiêu lợi nhuận: Kế hoạch kinh doanh toàn Công ty phải đảm bảo có lợi nhuận cao hơn năm 2013, mục tiêu hướng đến là cao hơn 20% so với năm trước.
- Mục tiêu doanh thu: Duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, cải thiện đáng kể doanh thu đối với dịch vụ có hiệu quả; thu hẹp kinh doanh đối với dịch vụ suy thoái, tăng doanh thu trên tài nguyên cấp quang biển AAG.

4.2. Kế hoạch kinh doanh 2014

CHỈ TIÊU	TH 2013	KH 2014	%KH2014/ TH2013
Tổng doanh thu (Tr. đồng)	641,974	635,088	99%
Tổng giá vốn	576,329	552,564	96%
Lợi nhuận gộp	64,140	82,500	129%
Thu nhập HĐTC	91,882	76,980	84%
Chi phí bán hàng	19,224	17,119	89%
Chi phí QLDN	101,662	97,360	96%
Tổng lợi nhuận trước thuế	39,019	45,000	115%
Khấu hao	120,810	117,116	97%

4.3. Về đầu tư

4.3.1. Trong năm 2014, SPT đặt ra các mục tiêu sau:

- Đầu tư bám sát với các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 của toàn Công ty.
- Tập trung nguồn vốn cho các dịch vụ trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho các dịch vụ tạo ra doanh thu.
- Đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, cân nhắc các hạng mục đầu tư thực sự cần thiết, giải quyết các yêu cầu đầu tư cấp bách khi chưa có nguồn lực đầu tư theo đúng định hướng quy hoạch.

4.3.2. Giá trị đầu tư dự kiến năm 2014:

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 75,66 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư hoàn thành dự kiến: 81,37 tỷ đồng. Bao gồm:
 - + Năm 2013 chuyển sang: 29,56 tỷ đồng
 - + Đầu tư mới 2014: 51,81 tỷ đồng

Phần D

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KTV

- Địa chỉ: 12 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: (+844) 2 125 977

- Website: : <http://www.ktv.vn>

I. Báo cáo tài chính 2013
1.1. Bảng cân đối kế toán 2013

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.094.577.279.381	1.280.833.841.706
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51.298.212.497	25.429.129.755
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	61.502.626.924	84.606.361.369
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	939.250.466.573	943.915.196.944
4	Hàng tồn kho	33.645.459.431	37.452.387.041
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.880.513.956	189.430.766.597
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.268.041.170.062	1.069.558.713.649
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	670.588.466.384	816.359.396.288
	- Tài sản cố định hữu hình	336.687.292.059	447.054.197.446
	- Tài sản cố định vô hình	314.282.319.598	348.950.713.051
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.618.854.727	20.354.485.791
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	548.011.179.794	193.281.055.135
5	Tài sản dài hạn khác	49.441.523.884	59.918.262.226
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.362.618.449.443	2.350.392.555.355
IV	NỢ PHẢI TRẢ	670.574.222.036	667.903.741.609
1	Nợ ngắn hạn	544.621.051.644	560.334.801.740
2	Nợ dài hạn	125.953.170.392	107.568.939.869
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.692.044.227.407	1.682.488.813.746
1	Vốn chủ sở hữu	1.692.044.227.407	1.682.488.813.746
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.203.917.290.000	1.203.917.290.000

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Thặng dư vốn cổ phần	605.544.544.445	605.544.544.445
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu ngân quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.824.082.703	18.824.082.703
	- Quỹ dự phòng tài chính	6.387.727.643	6.387.727.643
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(142.629.417.384)	(152.184.831.045)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.362.618.449.443	2.350.392.555.355

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Số TT	Nội dung	2013	2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	641.973.959.628	614.026.444.138
2	Các khoản giảm trừ	1.504.929.916	905.957.678
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	640.469.029.712	613.120.486.460
4	Giá vốn hàng bán	576.329.108.441	577.096.660.970
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	64.139.961.271	36.023.825.490
6	Doanh thu hoạt động tài chính	120.018.831.891	137.088.464.496

7	Chi phí tài chính	28.136.648.924	43.452.592.262
8	Chi phí bán hàng	19.223.682.121	19.877.285.716
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.661.568.159	108.776.012.828
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.136.853.958	1.006.399.180
11	Thu nhập khác	9.527.318.329	4.107.302.519
12	Chi phí khác	5.645.594.199	1.832.465.528
13	Lợi nhuận khác	3.881.724.130	2.274.836.991
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	39.018.578.088	3.281.236.171
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.281.726.909	0
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8.682.335.546	1.352.143.020
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.054.515.633	1.929.093.151
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
19	Cổ tức trên cổ phiếu		

1.3. Chỉ số tài chính

Chỉ số	2013	2012
Tỷ số thanh toán		
Tỷ số thanh toán hiện hành	2,01	2,29
Tỷ số thanh toán nhanh	1,95	2,22
Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,54%	0,31%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	1,23%	0,08%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	1,72%	0,11%

II. Báo cáo Kiểm toán

2.1. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 03 năm 2014.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc

kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

2.2. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Các vấn đề liên quan tới thanh lý hợp đồng BCC và ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thông tin và Viễn thông di động S-Telecom (S-Telecom)

Theo công văn số 17128/BTC-CĐKT ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty tạm thời chưa thể hiện ảnh hưởng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Trung tâm Điện thoại di động CDMA-S-Telecom) trong báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, Thuyết minh số 13, Thuyết minh số 17, Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 30, Công ty đang phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, các khoản công nợ tại ngày 31/12/2013 và các khoản doanh thu phát sinh trong năm 2013 với S-Telecom. Hiện nay, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục thanh lý Hợp đồng BCC, bàn giao tài sản và xác nhận vốn góp tại S-Telecom, do đó, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá giá trị thuần của các khoản đầu tư, khả năng thu hồi các khoản công nợ và khả năng thu được lợi ích từ các số dư và nghiệp vụ đã được Công ty ghi nhận với S-Telecom trong năm cũng như những ảnh hưởng của nó tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

2. Các vấn đề khác

Chúng tôi được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, chúng tôi không thực hiện được việc soát xét đầy đủ hồ sơ các tài sản cố định được đầu tư từ năm 2011 trở về trước.

Báo cáo tài chính của Trung tâm điện thoại Nam Sài Gòn (SST) được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và tư vấn kế toán BHP đang được hợp cộng trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các chứng cứ hiện hữu liên quan đến:

- Các khoản Phải thu khách hàng (mã số 131) và Trả trước người bán (mã số 132) được thể hiện ở trang 7;

- Các khoản Phải trả người bán (mã số 312) và Người mua trả tiền trước (mã số 313) được thể hiện ở trang 8

Do tính đặc thù trong ngành nghề kinh doanh (Bưu chính Viễn thông) của Công ty, nên thu đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm chưa được phản hồi đầy đủ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2013 Công ty đang phản ánh trên mục Phải thu khác khoản phải thu Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn tiền chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc SPT từ năm 2011 với số tiền phải thu là 58,5 tỷ đồng. Hiện nay, chúng tôi chưa thu thập được đối chiếu công nợ giữa hai bên.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Phần E

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty SPT: không có.

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ

2.1. Công ty TNHH Thông tin và Viễn thông Di động S-Telecom

Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP.HCM.

Điện thoại: (84.8) 404 0079.

Vốn điều lệ: 3.675.000.000.000 đồng.

Vốn góp của Công ty SPT (dự kiến sau hoàn tất góp vốn): 2.940.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động viễn thông không dây, quản lý khai thác mạng di động.

III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2013

3.1. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc SPT

Trụ sở: Số 15, lô 13B đường Trung Yên 11, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0102035422 do Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng, trong đó SPT giữ cổ phần chi phối và nắm quyền điều hành Công ty.

3.2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng KCN cao Sài Gòn

Trụ sở: Lô 6.1 tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 3810 0017 Fax: (08) 3810 0337

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103006017 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

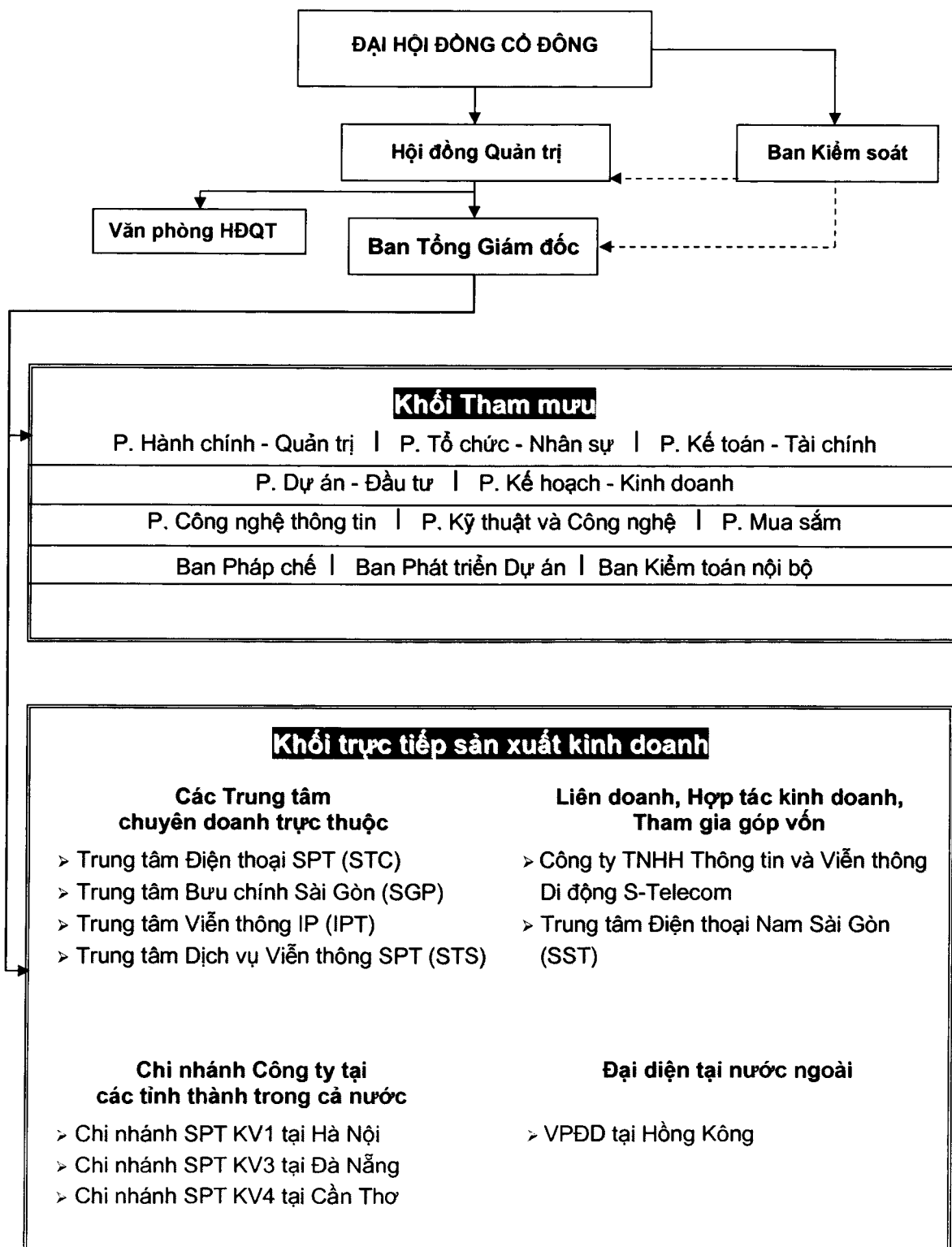
Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình hạ tầng.

Phần F

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. Cơ cấu tổ chức Công ty



II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty:

Ban Tổng Giám đốc: gồm 04 thành viên và 1 kế toán trưởng.

2.1. Ông HOÀNG SĨ HÓA - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Viễn thông, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ: Tổng Giám đốc điều hành Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 3.804 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.3. Ông LÊ NHẬT NGUYỄN - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Viễn thông
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 3.588 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.4. Ông LÊ QUANG TRIỆU - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thông tin và Viễn thông Di động S-Telecom
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 7.650 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.006% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.5. Bà NGUYỄN THỊ KIM THOA - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trà Vinh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kinh tế ngoại thương
- Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 23.101 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.019% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động

- Tổng số cán bộ, nhân viên bình quân năm 2013 là 1.234 người.
- Lương bình quân của cán bộ, nhân viên: 6.882.203 đồng/người/tháng.

- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SPT luôn đánh giá cao vai trò của người lao động, xem con người là yếu tố quan trọng nhất trong mọi hoạt động, có tính chất quyết định đối với sự thành bại của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội. Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện nhiều đợt điều chỉnh thu nhập cho người lao động để thu hút lao động giỏi, khuyến khích tăng năng suất lao động...; Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con em nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình công nhân viên...

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức và trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động cho viên chức kỹ thuật...

Phần G

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng Quản trị

Gồm 06 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực: Bà Trần Thị Ngọc Bình, Chủ tịch.

- Thành viên không thường trực:

+ Ông Đặng Thành Tâm, Phó Chủ tịch.

+ Ông Tề Trí Dũng, Thành viên.

+ Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thành viên.

+ Ông Nguyễn Văn Vân, Thành viên.

- Thành viên kiêm nhiệm Tổng GD: Ông Hoàng Sĩ Hóa.

1.1. Bà TRẦN THỊ NGỌC BÌNH - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ

- Năm sinh: 1951

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tây Ninh

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn thông

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM sở hữu 5.705.347 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,739% vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 36.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.2. Ông ĐẶNG THÀNH TÂM - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1964

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Kỹ sư Hàng Hải, Cử nhân Quản trị kinh doanh -

Diploma Kinh tế trường Henley Management College (Anh)

- Chức vụ:

- + Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- + Chủ tịch Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn
- + Chủ tịch Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc

- Số cổ phần nắm giữ:

- + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn sở hữu 8.090.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,72% vốn điều lệ.
- + Đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn sở hữu 30.158.665 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,05% vốn điều lệ.
- + Đại diện Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn sở hữu 10.975.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,12% vốn điều lệ.
- + Cổ phần cá nhân: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.3. Ông TÊ TRÍ DŨNG - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1981

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế

- Chức vụ:

- + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- + Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành

- Số cổ phần nắm giữ:

- + Đại diện Tổng Công ty Bến Thành sở hữu 2.923.477 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,43% vốn điều lệ
- + Cổ phần cá nhân: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.4. Ông HOÀNG SĨ HÓA - Thành viên Hội đồng Quản trị

Xem phần Ban Tổng Giám đốc.

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

1.5. Ông NGUYỄN MINH TUẤN - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ:
 - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Ngân hàng Á Châu (ACB) sở hữu 3.236.536 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,688% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.6. Ông NGUYỄN VĂN VÂN - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ:
 - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty Quản lý Nhà Quận 1 sở hữu: 11.053.663 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,181% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

II. Ban Kiểm soát: gồm 02 thành viên

2.1. Ông BÙI XUÂN BẮC - Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ:
 - + Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TNT (T&T Co. Ltd)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu 2.828.713 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.35% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 6.429 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005% vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ông NGUYỄN NHÂN NGHĨA - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ:
 - + Thành viên Ban Kiểm soát Công ty SPT
 - + Tổng Giám đốc Công ty LD Quản lý đầu tư BIDV - Vietnam Partners (BVIM)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty LD Quản lý Đầu tư BIDV - Vietnam Partners sở hữu 2.157.691 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,792% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Thông kê về cổ đông

3.1. Cổ đông góp vốn

Cơ cấu cổ đông góp vốn đến ngày 31/12/2013:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần (Mệnh giá 10.000đ/cp)
----------------	--

	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỉ lệ %
Cổ đông sáng lập	185.089.180.000	18.508.918	15,37%
Cổ đông Doanh nghiệp, Tổ chức CT - XH	328.269.280.000	32.826.928	27,27%
Cổ đông là tổ chức ngoài DNNN, TCCT-XH	174.782.780.000	17.478.278	14,52%
Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược	382.486.650.000	38,248,665	31,77%
Cổ đông là cá nhân trong và ngoài công ty	127.698.230.000	12,769,823	10,61%
Cổ phiếu ưu đãi	5.591.170.000	559.117	0,46%
TỔNG CỘNG	1.203.917.290.000	120.391.729	100%

3.2. Các cổ đông lớn (có tỷ lệ vốn góp từ 2% trở lên/tổng vốn điều lệ)

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000d/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH 1 TV	27 Nguyễn Trung Trục, P. Bến Thành, Q.1 TP.HCM	Dịch vụ thương mại, sản xuất và đầu tư	2.923.477	2,43%
VĂN PHÒNG THÀNH ỦY	135 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	Đa ngành nghề	11.456.525	9,52%
CÔNG TY TNHH T.N.T (T&T CO. LTD)	258 Bis Trần Hưng Đạo, P.Ng Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng	2.828.713	2,35%
CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KD NHÀ BẾN THÀNH	73 Nguyễn Thái Bình, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh nhà, xây nhà công trình nhà ở và xây dựng khác	2.762.925	2,29%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận I	28-30 Nguyễn Thái Bình, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà, phát triển nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	11.053.663	9,18%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận	Kinh doanh các dịch vụ BCVT, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình	10.264.443	8,53%

	Đông Đa, Hà Nội	BCVT, XNK, cung ứng vật tư thiết bị BCVT		
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP.HCM	Mua bán máy vi tính, thiết bị điện tử, vật tư thiết bị BCVT. Mua bán lắp đặt vật tư, TB truyền dẫn, đầu nối. Tư vấn kỹ thuật ngành tin học, SX mua bán phần mềm...	30.158.665	25,05%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	20 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi...	8.090.000	6,72%
Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Tầng 12& 17, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội		2.697.114	2,24%
CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN-QUY NHƠN	39/16 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP. HCM		10.975.000	9,12%
CTY CP ĐẦU TƯ Á CHÂU	71, Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM		3.236.536	2,69%
Nguyễn Sơn	41/8 Cô Giang, P. Cầu Ông Lãnh, Q.1, TP.HCM		3.829.795	3,18%

3.3. Cổ đông nước ngoài

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
Việt nam Emerging Equity Fund Limited	Tòa nhà Opera View, 161 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM	Đầu tư	1.510.384	1,25%
Temasia Capital Limited	42/F Central Plaza, 18 Harbour Road, Wanchai, SAR Hong Kong		414,276	0,34%

Ngày 23 tháng 05 năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA